

Số: 13/2024/QĐST-DS

Thành phố Bến Tre, ngày 20 tháng 3 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 13 tháng 3 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án dân sự thụ lý số: 66/2024/TLST-DS ngày 27 tháng 02 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Số E, ấp P, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị Tuyết H, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Số D, khu phố A, phường H, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Huỳnh Thị Phương L, sinh năm 2001; địa chỉ liên hệ: 33/3C T, ấp M, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Bà Trần Lệ K năm 1971;

Địa chỉ: Số E, ấp P, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Bà Trần Thị Tuyết H1 ý trả cho ông Nguyễn Văn T1 bà Trần Lệ K1 tiền vay là 106.600.000 đồng (Một trăm lẻ sáu triệu sáu trăm ngàn đồng). Đồng thời, ông Nguyễn Văn T1 bà Trần Lệ K2 ý trả lại bản chính “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” cho bà Trần Thị Tuyết H2 có số vào sổ cấp GCN: CS04007, số phát hành CX 294213, đối với thửa đất số 56, tờ bản đồ số 15, diện tích 44,1m², tọa lạc tại phường H, thành phố B, tỉnh Bến Tre do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B ngày 15/6/2020 cho bà Trần Thị Tuyết H2

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2.2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch được giảm 50%, bà Trần Thị Tuyết H3 chịu số tiền là 2.665.000 đồng (Hai triệu sáu trăm sáu mươi lăm ngàn đồng). Tuy nhiên, bà Trần Thị Tuyết H4 hộ cận nghèo nên được miễn nộp án phí.

Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre hoàn lại cho ông Nguyễn Văn T2 số tiền 2.665.000 đồng (hai triệu sáu trăm sáu mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001065 ngày 23/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Các bên đương sự thống nhất về thời gian và cách thức trả nợ được thực hiện ở cơ quan thi hành án.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP . Bến Tre
- Chi cục THADS TP . Bến Tre
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Ngọc Đạt